

Bản án số: 295/2020/HC-PT

Ngày 15 tháng 7 năm 2020.

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Ngọc Huynh

**Các Thẩm phán:** Ông Lê Thành Long

Ông Nguyễn Văn Tửu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 764/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 729/2020/QĐPT-HC ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Võ Thị Thanh Ng, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 85, đường Trần Thế H1, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ.

**- Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Võ Phan Thành M – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (có đơn xin vắng mặt)

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C (có mặt)

Cùng địa chỉ: Phường 1, thành phố C, tỉnh Đ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Nguyễn Văn Dương - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phường 1, thành phố C, tỉnh Đ.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ:*** Ông Đỗ Trọng H, sinh năm 1966 - Công chức Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Đ.

- **Người kháng cáo:** Bà Võ Thị Thanh Ng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Người khởi kiện - bà Võ Thị Thanh Ng trình bày:**

Ngày 25/02/2014, bà Võ Thị Thanh Ng được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích  $135m^2$  trong đó có  $81m^2$  đất ở tại đô thị và  $54m^2$  đất trồng cây lâu năm, thửa 412, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường 3, thành phố C, tỉnh Đ.

Ngày 11/3/2014, hộ bà được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích  $89,3m^2$  đất ở tại đô thị, thửa 869, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Phường 3, thành phố C, tỉnh Đ.

Ngày 23/11/2016, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 824/QĐ-UBND về việc thu hồi quyền sử dụng đất để thực hiện công trình Lia 2, phường 2 - phường 3 để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

*“Điều 1: Thu hồi quyền sử dụng đất của hộ bà Võ Thị Thanh Ng, tại phường 3, thành phố C cụ thể như sau:*

*- Diện tích  $101,30m^2$  đất ở tại đô thị (trong đó:  $89,30m^2$  trong giấy và  $12,00m^2$  ngoài giấy), thuộc toàn bộ thửa đất số 869, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02095, ngày 11/3/2014.*

*- Diện tích  $81,00m^2$  đất ở tại đô thị trong giấy và  $66,40m^2$  đất trồng cây lâu năm (trong đó:  $54,0m^2$  đất trồng cây lâu năm trong giấy và  $12,40m^2$  đất trồng cây lâu năm ngoài giấy), thuộc toàn bộ thửa đất số 412, tờ bản đồ số 6, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02062, ngày 25/02/2014.*

*Lý do thu hồi đất: Thực hiện công trình Lia 2, phường 2 - phường 3, thành phố C để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng”.*

Ngày 05/12/2016, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 2291/QĐ-HĐBTHT&TĐC bồi thường, hỗ trợ cho bà số tiền 499.191.904 đồng.

Ngày 23/12/2015, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 463/TB-PTQĐ bồi thường, hỗ trợ cho bà số tiền 558.837.217 đồng.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố C còn bồi thường cho bà 01 nền tái định cư tại đường Bà Triệu - Lia 2.

Bà Võ Thị Thanh Ng không đồng ý với Quyết định số 2291/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05/12/2016 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên đã làm đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C nâng giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi, bồi thường tiền căn nhà trên đất, hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông Trần Thế H1 và bố trí cho bà 02 nền tái định cư ngay tại vị trí có đất bị thu hồi.

Ngày 22/11/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND.HC về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Thanh Ng ngụ số 85, đường Trần Thế H1, phường 2, thành phố C.

*“Điều 1:*

*- Chấp thuận giải quyết bồi thường căn nhà của bà Võ Thị Thanh Ng cho ông Đ thuê.*

*Lý do: Trong phương án bồi thường, hỗ trợ còn thiếu 01 căn nhà của bà Võ Thị Thanh Ng cho ông Đ thuê.*

*Giao Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất Thành phố lập phương án bồi thường bổ sung căn nhà của bà Ng.*

*- Không giải quyết hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông Trần Thế H1.*

*Lý do: Ông Trần Thế H1 không cung cấp được hợp đồng thuê nhà với bà Võ Thị Thanh Ng.*

*- Không giải quyết bố trí 02 nền tái định cư liền kề hoặc 02 nền tái định cư theo vị trí sắp xếp.*

*Lý do: Thực hiện đúng theo Khoản 6, Điều 22 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đ và Công văn số 2495/STNMT-CCQLĐĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh về việc bố trí nền tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.*

bà Ng không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 142/QĐ-UBND.HC ngày 22/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C nên đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Ngày 08/10/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ về việc giải quyết khiếu nại của bà nội dung giữ nguyên Quyết định số 142/QĐ-UBND.HC.

bà Ng không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ vì Ủy ban nhân dân thành phố C thu hồi của bà 02 phần đất, mỗi phần đất đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trên mỗi phần đất đều có 01 căn nhà của bà và bà đang cho người khác thuê lại. Nhưng khi thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thành phố C chỉ bố trí cho bà được 01 nền tái định cư tại đường Bà Triệu (không tương xứng với giá trị phần đất thu hồi). Đồng thời áp dụng mức giá bồi thường, hỗ trợ cho bà quá thấp gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà.

Hiện nay, bà Ng vẫn chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và nền tái định cư tại đường Bà Triệu - Lia 2. Ngày 19/02/2019, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Văn bản số 190/UBND-QLDA&PTĐT trả lời các nội dung khiếu nại của bà.

Nay bà Ng yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 23/11/2016, Quyết định số 2291/QĐ-HĐBTHT&TDC ngày 05/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 142/QĐ-UBND.HC ngày 22/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 08/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Văn bản số 190/UBND-QLDA&PTĐT của Ủy ban nhân dân thành phố C.

**Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C trình bày:**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND.HC ngày 22/11/2017 là để giải quyết các nội dung khiếu nại của bà Võ Thị Thanh Ng theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

1. Các nội dung khiếu nại gồm:

1.1. Yêu cầu bồi thường căn nhà (tại thửa số 869) bà Võ Thị Thanh Ng cho bà Th thuê.

1.2. Yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông Trần Thế H1 (bà Võ Thị Thanh Ng cho ông H1 thuê từ năm 2007).

1.2. Yêu cầu bố trí 02 nền tái định cư tại chỗ ngay vị trí đất thu hồi. Lý do: tôi bị thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Căn cứ giải quyết khiếu nại.

Căn cứ Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đ 05 năm (2015-2019).

Căn cứ Công văn số: 763/UBND-KTN ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc thống nhất phê duyệt đơn giá cụ thể làm cơ sở lập phương án

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long – Tiểu dự án thành phố C, hạng mục Lia 2, phường 2 - phường 3.

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố C, công trình Lia 2, Phường 2 – Phường 3, thành phố C.

Căn cứ Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án tái định cư dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố C, công trình Lia 2, Phường 2 - Phường 3, thành phố C.

Ngày 23/11/2016, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 824/QĐ-UBND về việc thu hồi quyền sử dụng đất của hộ bà Võ Thị Thanh Ng để thực hiện công trình Lia 2, phường 2 - phường 3, để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

-Diện tích 101,3m<sup>2</sup> đất ở đô thị (trong đó: 89,3m<sup>2</sup> trong giấy và 12m<sup>2</sup> ngoài giấy), thuộc toàn bộ thửa đất số 869, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CH02095 cấp ngày 11/3/2014;

-Diện tích 81m<sup>2</sup> đất ở đô thị trong giấy và 66,4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (trong đó: 54m<sup>2</sup> trong giấy và 12,4m<sup>2</sup> ngoài giấy) thuộc toàn bộ thửa đất số 412, tờ bản đồ số 6, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02062 cấp ngày 25/02/2014.

Ngày 05/12/2016, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C ban hành Quyết định số 2291/QĐ-HĐBTHT&TĐC về việc bồi thường hỗ trợ bằng tiền cho bà Võ Thị Thanh Ng với tổng số tiền là: 499.191.904 đồng (bốn trăm chín mươi chín triệu một trăm chín mươi một ngàn chín trăm lẻ bốn đồng), đồng thời hộ bà Võ Thị Thanh Ng được bố trí 01 nền tái định cư tại đường Bà Triệu Lia 2.

Bà Võ Thị Thanh Ng chưa thống nhất với quyết định bồi thường, hỗ trợ và có đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố C.

Ngày 11/9/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh ban hành Công văn số 2495/STNMT-CCQLĐĐ về việc bố trí nền tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: *“Việc xác định số lượng nền tái định cư được căn cứ vào tiêu chí diện tích đất ở bị thu hồi, không quy định xem xét đối với số lượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp”*.

Căn cứ vào các quy định chính sách pháp luật về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đ ; Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đ 05 năm (2015-2019); Công văn số

763/UBND-KTN ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc thống nhất phê duyệt đơn giá cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố C, hạng mục Lia 2, phường 2 - phường 3; Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố C, công trình Lia 2, phường 2 - phường 3, thành phố C; Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án số 259/PA-HĐBT, HT&TĐC ngày 21/11/2016 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, về việc tái định cư dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố C, công trình Lia 2, phường 2 - phường 3, thành phố C và Công văn số 2495/STNMT-CCQLĐĐ ngày 11/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh về việc bố trí nền tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

### 3. Qua đối chiếu các quy định.

- Ủy ban nhân dân thành phố C chỉ giải quyết một nội dung đối với yêu cầu bồi thường căn nhà của bà Võ Thị Thanh Ng cho ông Đ thuê do trong phương án bồi thường, hỗ trợ còn thiếu.

- Không giải quyết đối với yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông Trần Thế H1, lý do ông Trần Thế H1 không cung cấp được hợp đồng thuê nhà với bà Võ Thị Thanh Ng.

- Đối với yêu cầu bố trí 02 nền tái định cư tại chỗ ngay vị trí đất thu hồi là không có cơ sở xem xét giải quyết vì không đúng theo khoản 6 Điều 22 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đ và Công văn số 2495/STNMT-CCQLĐĐ ngày 11/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh về việc bố trí nền tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Giải trình về các vấn đề: Một là vì sao khi niêm yết bảng kê chi tiết diện tích đất khác so với khi bồi thường là do thửa số 412 đo thực tế là 95,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, bồi thường 169.455.313 đồng. Sau khi niêm yết có sự tranh chấp giữa bà Ng và bà Trương Thị H2 là 28,9m<sup>2</sup> nên diện tích bồi thường giảm còn 66,4m<sup>2</sup> = 118.067.500đ (diện tích tranh chấp sẽ được bồi thường khi có kết quả giải quyết của cơ quan chức năng). Hai là căn cứ vào khoản 6 Điều 22 Quyết định số 27/2004/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì việc cấp nền tái định cư chỉ dựa vào diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi chứ không dựa vào tiêu chí có bao nhiêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thu hồi.

Ủy ban nhân dân thành phố C đã giải quyết các nội dung khiếu nại của bà Võ Thị Thanh Ng theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh xem xét giải quyết.

**Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:**

Ngày 25/02/2014, Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị Thanh Ng, diện tích 135m<sup>2</sup> (gồm 81m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 54m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 412, tờ bản đồ số 06, phường 3, thành phố C.

Ngày 11/3/2014, Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị Thanh Ng, diện tích 89,3m<sup>2</sup> đất ở đô thị, thuộc thửa số 869, tờ bản đồ số 07, phường 3, thành phố C.

Ngày 23/11/2016, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 824/QĐ-UBND về việc thu hồi quyền sử dụng đất của hộ bà Võ Thị Thanh Ng để thực hiện công trình Lia 2, phường 2 - phường 3 để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Ngày 23/11/2016, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 779/QĐ-UBND và Quyết định số 780/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố C. Công trình: Lia 2, phường 2 - phường 3, thành phố C.

Ngày 05/12/2016, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C ban hành Quyết định số 2291/QĐ-HĐBTHT&TĐC về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị Thanh Ng tổng số tiền 499.191.904 đồng do giải tỏa để thực hiện công trình Lia 2, phường 2 - phường 3, thành phố C; theo Phương án bố trí tái định cư số 259/PA-HĐBT, HT&TĐC ngày 21/11/2016, bà Võ Thị Thanh Ng được bố trí 01 nền tái định cư tại Lia 2 (thuộc nhóm 1: Đường Bà Triệu), bà Võ Thị Thanh Ng không thống nhất và có đơn khiếu nại yêu cầu: bồi thường bổ sung nhà; hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông Trần Thế H1; bố trí 02 nền tái định cư tại chỗ.

Ngày 22/11/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND.HC, giải quyết:

- Chấp thuận bồi thường bổ sung căn nhà của bà Võ Thị Thanh Ng cho ông Đ thuê; lý do phương án bồi thường, hỗ trợ còn thiếu 01 căn nhà của bà Võ Thị Thanh Ng cho ông Đ thuê.

- Không giải quyết hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông Trần Thế H1, lý do: ông Trần Thế H1 không cung cấp được hợp đồng thuê nhà với bà Võ Thị Thanh Ng.

- Không giải quyết bố trí 02 nền tái định cư liền kề hoặc 02 nền tái định cư theo vị trí sắp xếp; lý do đã thực hiện đúng khoản 6 Điều 22 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Ngày 10/5/2018, bà Võ Thị Thanh Ng gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Ngày 08/10/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ giải quyết giữ nguyên Quyết định số 142/QĐ-UBND.HC ngày 22/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

Nay, bà Võ Thị Thanh Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đ hủy Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 08/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Căn cứ khoản 2 Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 quy định tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở; Điều 23 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đ giữ nguyên Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 08/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 01/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:**

*Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173, Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính 2015;*

*Căn cứ vào quy định tại Điều 62, 66, 67, 68, 69 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 20 Luật Khiếu nại 2011;*

*Căn cứ vào quy định tại Chương 3 về Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Mục 2.8 điều 38, 39, 40, 41 và Mục 3.2 Phần 2, Phần 3 của Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;*

*Căn cứ vào quy định tại các Điều 5, 6, 7, 11, 18, 21 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 9 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, thu hồi đất;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

*Tuyên xử:*

*1. Bác khởi kiện của bà Võ Thị Thanh Ng (đại diện hộ) đối với yêu cầu hủy Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 23/11/2016, Quyết định số 2291/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 08/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.*

*2. Đình chỉ xét xử đối với Văn bản số 190/UBND-QLDA&PTĐT ngày 19/2/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2019, người khởi kiện bà Võ Thị Thanh Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.



**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

**Người khởi kiện bà Võ Thị Thanh Ng trình bày:**

bà Ng giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 23/11/2016, Quyết định số 2291/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 08/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Tái định cư tại chỗ 02 nền liền kề trên phần đất còn lại sau khi mở trục đường chính theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về tái định cư; Bồi thường giá đất theo giá thị trường hiện nay; Đề nghị có văn bản giải thích sự chênh lệch diện tích giữa năm 2015 và năm 2016 là 136,2m<sup>2</sup>; Bồi thường đúng diện tích đất 384,9m<sup>2</sup>.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Văn T trình bày:** Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung:

Đối với yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 824 và Quyết định bồi thường hỗ trợ số 2291:02 diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 824 thuộc hai Giấy CNQSDĐ khác nhau và hai đối tượng khác nhau, cụ thể: Thửa đất số 412 được cấp cho cá nhân bà Võ Thị Thanh Ng theo Giấy CNQSDĐ số CH02062 (BL 106), thửa số 869 cấp cho hộ bà Võ Thị Thanh Ng theo Giấy CNQSDĐ CH02095 (BL 107). Do Quyết định thu hồi đất 824 lại xác định hai diện tích đất trên cùng là của hộ bà Ng và thu hồi chung trong cùng một quyết định dẫn đến Hội đồng bồi thường ban hành quyết định bồi thường chung cho hộ bà Võ Thị Thanh Ng là không đúng đối tượng thu hồi đất và được bồi thường, ảnh hưởng đến xét tái định cư cho người có đất bị thu hồi. Trong khi đó theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 22 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đ được ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 thì trường hợp bị thu hồi đất của bà Ng được xét tái định cư. Từ đó cho thấy việc ban hành các Quyết định thu hồi đất số 824 và Quyết định bồi thường hỗ trợ số 2291 như trên là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Ng. Do đó, kháng cáo của bà Ng là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 142, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 323: Trên cơ sở giải quyết nội dung kháng cáo thứ nhất cho thấy yêu cầu về tái định cư của bà Ng là có căn cứ để xem xét vì cả hai GCN QSDĐ của cá nhân bà Ng và hộ bà Ng đều là đất ở và có

nhà trên đất ở. Do đó, các quyết định giải quyết bác yêu cầu nói trên của bà Ng là chưa xem xét đánh giá toàn diện căn cứ giải quyết khiếu nại, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Do đó, kháng cáo của bà Ng là có căn cứ để chấp nhận một phần.

Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Công văn số 190/UBND-BQLDA&PTQĐ ngày 19/02/2019 của UBND thành phố C: Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Đình Hải là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Thanh Ng (BL 159 - 160) đã rút yêu cầu khởi kiện này (BL 24) nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Do đó, kháng cáo của bà Ng là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét về tố tụng giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận thấy: Bà Võ Thị Thanh Ng khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 824 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2291 mà các quyết định này thu hồi đất và bồi thường cho hộ bà Ng, nhưng khi thụ lý và xét xử giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người trong hộ gia đình bà Ng (gồm có: ông Võ Văn Hai, chị Huỳnh Võ Ngọc Trâm, chị Huỳnh Võ Bích Trâm) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của đương sự.

Tuy nhiên, như đã phân tích giải quyết yêu cầu kháng cáo như trên thì các Quyết định thu hồi đất số 824 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2291 có căn cứ để hủy quyết định, sau khi án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, UBND thành phố C sẽ ban hành các Quyết định hành chính khác thay thế, do đó quyền lợi về tố tụng của những người này vẫn được bảo vệ, bởi họ vẫn có quyền khởi kiện đối với các quyết định này, vì vậy không cần thiết phải hủy án.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị Thanh Ng, sửa bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 824 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2291; chấp nhận hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 142 đối với nội dung không chấp nhận xét tái định cư cho bà Ng và chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 323. Bác kháng cáo yêu cầu hủy Công văn số 190/UBND-BQLDA&PTQĐ ngày 19/02/2019 của UBND thành phố C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, tuy nhiên các

đương sự này đã được Toà án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng không có lý do chính đáng và có đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Thực hiện dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long – Tiểu dự án thành phố C – công trình Lia 2, Ủy ban nhân dân thành phố C đã ban hành Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 23/11/2016, Quyết định số 2291/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05/12/2016, Văn bản số 190/UBND-QLDA&PTĐT ngày 19/02/2019 của UBND thành phố C;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND.HC ngày 22/11/2017; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 08/10/2018 thu hồi của hộ bà Ng thửa đất 412, diện tích 135m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6 thuộc phường 3, thành phố C và thửa đất số 869, diện tích 89,3m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 7 thuộc phường 3, thành phố C.

[2.2] Ngày 05/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 2291/QĐ-HĐBTHT&TĐC bồi thường hỗ trợ cho bà Ng 499.191.904 đồng và được cấp 01 nền tái định cư. Không đồng ý với Quyết định 2291/QĐ-HĐBTHT&TĐC, bà Ng khiếu nại yêu cầu tăng tiền bồi thường và yêu cầu được bồi thường 02 nền tái định cư.

Ngày 22/11/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Ng (bà Ng nhận Quyết định vào ngày 05/12/2017) với nội dung:

- + Chấp nhận bồi thường bổ sung căn nhà cho thuê.
- + Giao cho ban quản lý dự án bồi thường.
- + Không giải quyết tiền thuê nhà ông H1 vì không cung cấp hợp đồng thuê.
- + Không giải quyết bố trí 02 nền tái định cư.

Sau đó bà Ng tiếp tục khiếu nại.

Ngày 08/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ về việc giải quyết khiếu nại của bà là giữ nguyên Quyết định số 142/QĐ-UBND.

bà Ng tiếp tục khiếu nại.

Ngày 19/2/2019, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Văn bản số 190/UBND-BQLDA&PTQĐ trả lời các nội dung khiếu nại của bà Ng.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Ng:

[2.3.1] Theo hồ sơ vụ án thể hiện, Dự án Lia 2 là do Ngân hàng Thế giới cung cấp nguồn lực tài chính cho những hoạt động dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long – trong đó có tiểu dự án thành phố C – công trình Lia 2. Khi kiểm tra giám sát thực hiện dự án, phía Ngân hàng Thế giới đã có ý kiến

đối với Ủy ban nhân dân thành phố C về những trường hợp phải di dời do ảnh hưởng của dự án. Tại Báo cáo số 1279 ngày 30/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Đ báo cáo và đề xuất cho huy động tư vấn độc lập xác định giá trị đền bù tài sản của các hộ dân có khiếu nại, nếu có chênh lệch tăng sẽ xem xét lập phương án đền bù bổ sung. Như vậy, trường hợp của bà Ng là người đang khiếu nại nằm trong những hộ dân mà Ủy ban nhân dân thành phố C báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

[2.3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người bị kiện xác định sau khi có Báo cáo số 1279 ngày 30/7/2018 thì Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã có chủ trương chỉ đạo và Ủy ban nhân dân thành phố C đã yêu cầu công ty thẩm định giá độc lập thẩm định giá vào năm 2018. Thực tế giá đất định giá có cao hơn giá bồi thường cho bà Ng, nhưng đến nay vẫn chưa đưa ra hướng giải quyết. Như vậy, đây là tình tiết mới được người bị kiện đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm.

[2.3.3] Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số CH02095 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 11/3/2014 là cấp cho hộ bà Ng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng trình bày hộ gia đình bà Ng còn có con gái đã có chồng nên rất cần tách hộ và có chỗ ở riêng khác. Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định *“Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình.”*

Hơn nữa, thực tế gia đình bị thu hồi 02 khu nhà, đất ở hai vị trí khác nhau. Do đó, cần phải xác minh điều kiện, hoàn cảnh gia đình bà Ng để xem xét việc tái định cư cho hộ gia đình bà Ng đúng pháp luật và đảm bảo quyền lợi của các thành viên khác trong hộ, đảm bảo quyền và lợi ích của người bị thu hồi đất theo dự án.

[2.4] Đối với Văn bản số 190/UBND-QLDA&PTĐT ngày 19/02/2019 của UBND thành phố C, người khởi kiện đã rút yêu cầu khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo người khởi kiện vẫn kháng cáo yêu cầu hủy Văn bản số 190/UBND-QLDA&PTĐT ngày 19/02/2019 của UBND thành phố C. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện xác định lại là vẫn giữ nguyên yêu cầu rút khởi kiện văn bản này như tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với kháng cáo này và giữ nguyên nội dung đình chỉ xét xử đối với Văn bản số 190/UBND-QLDA&PTĐT ngày 19/2/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc UBND thành phố C, Chủ tịch UBND thành phố C và Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành các quyết định hành chính bị kiện là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà Ng. Do đó, Hội đồng xét xử

chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ng; chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, huỷ các quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 23/11/2016, Quyết định số 2291/QĐ-HĐBTHT&TĐC, Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 và Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 08/10/2018.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh Ng không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ủy ban nhân dân thành phố C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[3.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Ng được chấp nhận một phần nên bà Ng không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị Thanh Ng, sửa một phần bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh Ng.

3. Huỷ Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 23/11/2016, Quyết định số 2291/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 05/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 08/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

4. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Văn bản số 190/UBND-QLDA&PTĐT ngày 19/2/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

5. Về án phí:

5.1. Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Võ Thị Thanh Ng không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thanh Ng 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000605 ngày 18/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân thành phố C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng.

5.2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Võ Thị Thanh Ng không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thanh Ng 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000710 ngày 14/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- NKK (1);
- NBK (3);
- Lưu VP(6). HS(2). 17b (NTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Huynh**